

PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG PA
(Kèm Công văn số: 739 /CV-BV ngày 16/4/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai)

Stt	Mã sản phẩm (tổ)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
1	PP2400518752	G0010	1	Albumin 20%	Human Albumin	10g/ 50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 50ml	36 tháng	400410646324 (QLSP-1129-18)	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Germany	Lọ	758.500	10	7.585.000	Công ty TNHH Bình Việt Đức	31/03/2025
2	PP2400518759	G0017	1	Amlodipine Stella 10 mg	Amlodipin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110389923	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	640	140.000	89.600.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	31/12/2024
3	PP2400518760	G0018	1	Amlodipine/Normon 5mg/10mg film coated tablets	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	24 tháng	840110183223	Laboratorios Normon S.A.	Spain	Viên	8.270	10.000	82.700.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát	01/12/2025
4	PP2400518761	G0019	1	NATRIKAM 1.5MG/5MG	Amlodipine + Indapamide	5mg + 1.5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 5 viên	24 tháng	300110029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	4.987	9.360	46.678.320	Công ty Cổ Phần Gonsa	27/10/2025
5	PP2400518762	G0020	1	TRIPLIXAM 5MG/1.25MG/5MG	Amlodipine + Indapamide + Perindopril arginine	5mg + 1.25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	24 tháng	VN3-11-17	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ái-len	Viên	8.557	9.360	80.093.520	Công ty Cổ Phần Gonsa	26/05/2026
6	PP2400518766	G0024	1	Pharmox IMP 250mg	Amoxicilin	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	24 tháng	VD-31725-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	4.950	20.000	99.000.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Duy Anh	05/05/2026
7	PP2400518774	G0032	1	Bisoprolol fumarat + hydrochlorothiazid	Bisoprolol + furosemid	5mg + 12.5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, hộp 4 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	36 tháng	893110049223 (VD-18530-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.400	5.760	13.824.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	24/3/2028
8	PP2400518780	G0038	1	Maracaine Spinal Heavy	Bupivacaine hydrochloride	5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tủy sống	Hộp 5 ống x 4ml	36 tháng	300114001824	Cenexi	Pháp	Ống	41.600	100	4.160.000	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	26/10/2025
9	PP2400518789	G0047	1	Cefoxitin 1000	Cefoxitin	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ bột, hộp 10 lọ bột	24 tháng	893110278524	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Lọ	105.000	4.000	420.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	06/5/2029
10	PP2400518796	G0054	1	Remeclar 250	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 07 viên	36 tháng	529110769724	Remedica Ltd.	Cyprus	Viên	8.280	20.000	165.600.000	Công ty TNHH Thương Mại & Dược Phẩm Tâm Toàn Phát	31/12/2024
11	PP2400518805	G0063	1	Seduxen 5 mg	Diazepam	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	599112027923 (VN-19162-15)	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên	1.260	2.000	2.520.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	29/04/2025
12	PP2400518807	G0065	1	Elaria	Diclofenac Natri	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	36 tháng	VN-16829-13	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Ống	9.900	2.000	19.800.000	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim	14/7/2026
13	PP2400518812	G0070	1	DAFLON 1000MG	Diosmin + Hesperidin	900mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	48 tháng	300100088823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	7.694	5.000	38.470.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	27/10/2025
14	PP2400518813	G0071	1	Vern Plus	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	36 tháng	520100424123	Help S.A.	Greece	Viên	3.200	10.000	32.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Thế Giới Mới	31/12/2024

Stt	Mã sản phẩm (tên)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/-GMP
15	PP2400518818	G0076	I	Dopamine Renaudin 40mg/ml	Dopamine hydrochlorid	200mg/ 5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 5ml	36 tháng	300110348224	Laboratoire Renaudin	Pháp	Ống	45.000	10	450.000	Công ty Cổ Phần Eutical	04/3/2025
16	PP2400518826	G0084	I	Enap H 10mg/25mg	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	10mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên	36 tháng	383110139323	KRKA, d.d. Novo Mesto	Slovenia	Viên	5.820	5.000	29.100.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Duy Anh	11/10/2026
17	PP2400518829	G0087	I	Ephedrine Aguetant 30mg/ml	Ephedrin hydrochlorid	30mg/ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 01ml	36 tháng	VN-19221-15	Laboratoire Aguetant	Pháp	Ống	57.750	400	23.100.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	29/04/2025
18	PP2400518835	G0093	I	Etoricoxib Teva 90mg	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	36 tháng	599110765624	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	10.350	9.400	97.290.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	28/03/2027
19	PP2400518836	G0094	I	Etoricoxib Film-Coated Tablets 60mg/Tab	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	36 tháng	520110353824	Rentis Hellas Medical And Pharmaceutical Products S.A.	Hy Lạp	Viên	12.168	6.000	73.008.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	31/12/2024
20	PP2400518839	G0097	I	Berodual	Ipratropium bromide khan + Fenoterol Hydrobromide	0,02mg/nhất xịt + 0,05mg/nhất xịt	Xịt họng	Dung dịch khi dùng	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	24 tháng	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Bình	132.323	200	26.464.600	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	13/10/2025
21	PP2400518854	G0112	I	Glicladi 60mg modified-release tablets	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 4 vỉ x 15 viên, Hộp 8 vỉ x 15 viên	36 tháng	383110130824 (VN-21712-19)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	4.830	16.000	77.280.000	Công ty Cổ Phần Dược Medipharco	11/10/2026
22	PP2400518863	G0121	I	Naratrix SR	Indapamide	1,5mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-22164-19	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	3.265	2.000	6.530.000	Công ty TNHH Dược Kim Đô	27/10/2025
23	PP2400518871	G0129	I	Polhumim Mix-2	Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần phân insulin hòa tan và 8 phần insulin isophan 100IU/ml	Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần phân insulin hòa tan và 8 phần insulin isophan 100IU/ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 ống x 3ml	36 tháng	QLSP-1112-18	Tachomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Ba Lan	Ống	151.000	100	15.100.000	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dược Hoàng Long	12/05/2026
24	PP2400518876	G0134	I	Nadecin 10mg	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-17014-13	S.C. Arena Group S.A.	Romania	Viên	2.600	480	1.248.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Hai Mươi Thàng Mười	31/10/2024
25	PP2400518889	G0147	I	Scolanzo	Lansoprazol	15mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 7 viên	24 tháng	VN-21360-18	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	4.990	19.440	97.005.600	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Nguyễn Đức	19/4/2026
26	PP2400518906	G0164	I	Orgametril	Lynestrenol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 30 viên	60 tháng	VN-21209-18	N.V. Organon	Hà Lan	Viên	2.360	960	2.265.600	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	05/09/2025
27	PP2400518917	G0175	I	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	5mg/ml	Tiêm, truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	36 tháng	40012002224 (VN-21177-18)	B. Braun Melsungen AG	Đức	Ống	20.100	40	804.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	31/08/2025

Được

Stt	Mã phiên (tổ)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị (tính)	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
28	PP2400518923	G0181	1	ACC 200	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột pha dùng dịch uống	Hộp 50 gói	24 tháng	VN-19978-16	Sân xuất: Lindopharm GmbH, Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	Gói	1.594	30.000	47.820.000	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	CSSX: 31/12/2024, CSXX: 18/11/2025
29	PP2400518936	G0194	1	Cordaflex	Nifedipine	20mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	60 tháng	VN-23124-22	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	1.450	2.000	2.900.000	Công ty TNHH Dược Phẩm U.N.I Việt Nam	28/9/2024
30	PP2400518944	G0202	1	Medome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazole	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	Hộp 1 lọ x 28 viên	36 tháng	383110781824 (VN-22239-19)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	5.859	100.000	585.900.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	11/10/2026
31	PP2400518949	G0207	1	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin	10UI	Tiêm	Dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	36 tháng	400114074223	Panpharma GmbH	Germany	Ống	11.000	1.000	11.000.000	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	31/12/2024
32	PP2400518953	G0211	1	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên doanh Stiepharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	520	40.000	20.800.000	Công ty Cổ Phần Santav	31/12/2024
33	PP2400518954	G0212	1	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-22611-20	Aspen Pharma Pty Ltd	Australia	Viên	3.390	6.000	20.340.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Tâm Toàn Phát	17/6/2024
34	PP2400518955	G0213	1	COVERSYL 5MG	Perindopril arginine	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	36 tháng	VN-17087-13	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	5.028	5.000	25.140.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	27/10/2025
35	PP2400518962	G0220	1	Pimoint	Piroxicam	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-16214-13	Arena Group S.A	Romania	Viên	4.935	20.000	98.700.000	Công ty Cổ Phần Dược Nam Đồng	31/12/2024
36	PP2400518969	G0227	1	Frescofol 1% MCT/LCT	Propofol	1% (10mg/ml)	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền (IV)	Hộp 5 ống 20ml	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Ống	24.435	10	244.350	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	31/12/2025
37	PP2400519004	G0262	1	Anvo-Telmisartan HCTZ 40/12,5mg	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 7 vỉ x 14 viên	36 tháng	840110178823	Laboratorios Licensa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	8.650	6.000	51.900.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	19/4/2026
38	PP2400519006	G0264	1	Neo-Endusix	Tenoxicam	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 01 lọ + 1 ống nước cất; Hộp 10 lọ	36 tháng	VN-20244-17	Anfarm hellas S.A	Hy Lạp	Lọ	54.000	1.000	54.000.000	Công ty Cổ Phần Eartical	27/6/2025
39	PP2400519011	G0269	1	Volulyte 6%	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	6% / 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 túi 500ml	36 tháng	VN-19956-16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi	89.500	40	3.580.000	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	31/12/2024
40	PP2400519015	G0273	1	Metazydyna	Trimetazidin dhydroclorid	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 30 viên	36 tháng	590110170400 (VN-21630-18)	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	Viên	1.855	5.000	9.275.000	Công ty Cổ Phần TMDV Thăng Long	20/10/2026
41	PP2400519020	G0278	1	Angioblock 160mg	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	GC-340-21	Công ty TNHH Medochemie (Viên Đông)	Việt Nam	Viên	6.660	4.000	26.640.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	23/6/2026
42	PP2400519024	G0282	1	Milgamma N	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 1mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	36 tháng	400100083323	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Đức	Ống	20.990	2.000	41.980.000	Công ty Cổ Phần TMDV Thăng Long	23/5/2026

Sit	Mã phần (tổ)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
43	PP2400519027	G0285	2	SaVi-Leucin	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100678824 (VD-29126-18)	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.200	20.000	44.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm HQ	09/02/2026
44	PP2400519035	G0293	2	Staripsine	Alphachymotrypsine (tương đương alphachymotrypsine 21 microkatal)	4,2mg	Uống	viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110352523	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	800	96.000	76.800.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	31/12/2024
45	PP2400519038	G0296	2	Olesom	Ambroxol hydrochlorid	30mg/5ml, 100ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 100ml	36 tháng	VN-22154-19	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Chai	41.013	3.000	123.039.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang	21/02/2026
46	PP2400519042	G0300	2	Amdepin Duo	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	890110002724 (VN-20918-18)	Cadila Pharmaceuticals Limited	India	Viên	3.950	9.400	37.130.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Hải Mươi Thăng Mươi	11/12/2026
47	PP2400519046	G0304	2	Biocemet DT	Amoxicillin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 7 viên	24 tháng	893110415724 (VD-31719-19)	CN công ty CP DP Imexpharm Nhà máy kháng sinh CN cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	9.366	20.000	187.320.000	Công ty CP Dược Phẩm Imexpharm	05/05/2026
48	PP2400519047	G0305	2	Imefed	Amoxicillin + acid clavulanic	250mg+31,25 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	24 tháng	893110320100 (VD-31714-19)	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	7.490	30.000	224.700.000	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Hải Mươi	05/05/2026
49	PP2400519050	G0308	2	Ezvasen	Atorvastatin (dạng Atorvastatin calci) 20mg + Ezetimibe 10mg	20mg+10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	36 tháng	VD-19657-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	6.400	5.000	32.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Và Mỹ Phẩm Mỹ Trung	19/4/2027
50	PP2400519053	G0311	2	SAVIPROLOL PLUS HCT	Bisoprolol fumarat; Hydrochlorothiazid	2,5mg; 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm)	36 tháng	VD-20813-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.200	1.500	3.300.000	Công ty Cổ Phần Dược Vaco-pharm	09/02/2026
51	PP2400519055	G0313	2	Bupiroxy Heavy	Bupivacain hydrochlorid	0,5%/4ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	24 tháng	890114083223 (VN-16919-13)	Troika Pharmaceuticals Ltd	India	Ống	17.500	100	1.750.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Đắk Lắk	22/07/2025
52	PP2400519056	G0314	2	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	300mg + 2.940mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	36 tháng	893100095424 (VD-27518-17)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	3.500	10.000	35.000.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	31/12/2024
53	PP2400519058	G0316	2	CLIPOXID-300	Calci lactat pentahydrat	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-34168-20	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	1.800	6.400	11.520.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	14/04/2027
54	PP2400519067	G0325	2	Imenin 125 mg	Cefdinir	125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	24 tháng	VD-27893-17	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Gói	12.000	60.000	720.000.000	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Tuệ Nam	01/5/2026

Stt	Mã phân (tổ)	Mã thuốc	Nhóm thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
55	PP2400519070	G0328	2	Imexime 100	Cefixim	100mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	24 tháng	VD-30398-18	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Gói	6.489	20.000	129.780.000	Công ty Cổ Dược Phẩm Inexpharm	01/05/2026
56	PP2400519082	G0340	2	Imedoxim 100	Cefpodoxim	100 mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	24 tháng	VD-32835-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Gói	8.900	10.000	89.000.000	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Tuệ Nam	01/5/2026
57	PP2400519083	G0341	2	Imedoxim 200	Cefpodoxim	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110023800 (VD-27892-17)	Chi nhánh 3 - Công ty CP Dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	9.780	10.000	97.800.000	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Hiền Mai	01/5/2026
58	PP2400519084	G0342	2	Zoximeef 1 g	Cefizoxim	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ, Hộp 1 lọ, 1 ống nước cất pha tiêm 15ml (SDK: VD-13892-11); Hộp 10 lọ, 10 ống nước cất pha tiêm 15ml (SDK: VD-13892-11)	24 tháng	893110907424 (VD-29359-18)	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	Lọ	66.987	3.000	200.961.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	31/12/2024
59	PP2400519086	G0344	2	Cefizoxim 0,5 g	Cefizoxim	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	24 tháng	893110595724 (VD-26843-17)	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	45.000	2.000	90.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Nguyên Đức	01/5/2026
60	PP2400519087	G0345	2	Ceftriaxone 500	Ceftriaxon	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	VD-19011-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenanayd	Việt Nam	Lọ	19.500	3.000	58.500.000	Công ty Cổ Phần AFP Gia Vũ	31/12/2024
61	PP2400519104	G0362	2	Savi Enalapril HCT 10/12,5	Enalapril maleat + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110098100	Cty CP DP SaVi	Việt Nam	Viên	3.500	20.000	70.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Trí	09/02/2026
62	PP2400519108	G0366	2	Motin Inj.	Famotidin	20mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	880110000124	Myung In Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Lọ	55.900	240	13.416.000	Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị	24/3/2025
63	PP2400519113	G0371	2	Savi Glipizide 5	Glipizid	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110371223 (VD-29120-18)	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.945	3.800	11.191.000	Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị	09/02/2026
64	PP2400519115	G0373	2	Oresol	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	0,52g + 0,3g + 0,58g + 2,7g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 10 gói x 4,41g, Hộp 20 gói x 4,41g, Hộp 30 gói x 4,41g, Hộp 40 gói x 4,41g	36 tháng	893100829124 (VD-33206-19)	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Gói	2.100	30.000	63.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vian	20/04/2025
65	PP2400519118	G0376	2	Haduibe Extra	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110152000	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Viên	3.000	9.400	28.200.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	20/04/2025

Sit	Mã phần (tổ)	Mã thuốc	Nhóm thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
66	PP2400519119	G0377	2	Irbesartan H 300 Plus	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	300mg + 25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	36 tháng	890110354024	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	10.857	6.000	65.142.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang	31/12/2024
67	PP2400519125	G0383	2	Lexvotene-S Oral Solution	Levocetirizin	0,5mg/ml; 10 ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	24 tháng	VN-22679-20	Genuine Sciences Inc	Hàn Quốc	Gói	6.000	2.000	12.000.000	Công ty TNHH Hồng Phúc Bảo	04/08/2025
68	PP2400519128	G0386	2	Sarantio-H 100/25	Losartan + hydrochlorothiazid	100mg+25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	890110008123	Aurobindo Pharma Limited	India	Viên	2.890	10.000	28.900.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Quốc Tế Hưng Thịnh	31/12/2024
69	PP2400519129	G0387	2	Reumokam	Meloxicam	15mg/ 1,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 05 ống x 1,5ml	24 tháng	482110442823 (VN-15387-12)	Farmak JSC	Ukraine	Ống	18.500	4.000	74.000.000	Công ty TNHH Nacopharm Miền Nam	31/12/2024
70	PP2400519130	G0388	2	SAVI MESALAZINE 500	Mesalazin	500mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-35552-22	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	7.950	3.200	25.440.000	Công ty Cổ Phần Dược Vapocopharm	09/02/2026
71	PP2400519133	G0391	2	Pdalone-40mg	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	36 tháng	VN-21317-18	Swiss Parenterals Ltd	Ấn Độ	Lọ	27.700	14.800	409.960.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	31/12/2024
72	PP2400519137	G0395	2	Sodium Chloride Injection	Natri clorid	0,9%/ 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 500ml	36 tháng	690110784224 (VN-21747-19)	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co., Ltd	China	Chai	12.495	6.000	74.970.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	20/04/2028
73	PP2400519145	G0403	2	Paracetamol 500	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	24 tháng	893100393824 (VD-31850-19)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	2.050	240.000	492.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Savi	09/02/2026
74	PP2400519150	G0408	2	Pavadin Tablets 20mg	Pravastatin Sodium	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	471110189500	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd	Taiwan	Viên	6.149	40.000	245.960.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm - Thiết Bị Y Tế Thanh Minh	14/10/2026
75	PP2400519152	G0410	2	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	1% (10mg/ml)	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Ống	24.435	200	4.887.000	Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	31/12/2025
76	PP2400519165	G0423	2	Momencef 375mg	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	375mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vỉ x7 viên; 1 túi x 3 vỉ x7 viên; Hộp 1 túi x 4 vỉ x7 viên	24 tháng	893110437524 (VD-31721-19)	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm - nhà máy Kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	13.600	30.000	408.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tự Đức	05/05/2026
77	PP2400519167	G0425	2	Elirabol 80/12,5	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	VN-22764-21	Evergreen Life Sciences Limited	India	Viên	7.497	6.800	50.979.600	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dược Nam Hưng	06/4/2025
78	PP2400519170	G0428	2	Haemostop	Acid tranexamic	100mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	24 tháng	VN-21942-19	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ống	10.050	1.000	10.050.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	31/12/2024
79	PP2400519176	G0434	2	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	1g	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	36 tháng	VD-25486-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.890	40.000	75.600.000	Công ty Cổ Phần Santav	31/12/2024
80	PP2400519181	G0439	3	Vigentin 875mg/ 25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	24 tháng	VD-21898-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	4.700	150.000	705.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	

SĐT	Mã phân (lô)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/GMP
81	PP2400519185	G0443	3	SaViProlo 5	Bisoprolol Fumarat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-23656-15	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	550	2.880	1.584.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Savi	
82	PP2400519186	G0444	3	Ceplortype 500	Cefaclor	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110383924 (VD-29712-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	8.600	230.000	1.978.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Benovas	
83	PP2400519187	G0445	3	Pyfnelor kid	Cefaclor	125mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 24 gói x 2g	36 tháng	VD-26427-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Gói	3.830	100.000	383.000.000	Công ty Cổ Phần Tabiphar Việt Nam	
84	PP2400519189	G0447	3	Metiny	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrate)	375mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110496024 (VD-27346-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Viên	9.900	9.744	96.465.600	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	
85	PP2400519190	G0448	3	Fabadoxil 500	Cefadroxil	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	36 tháng	893110373423	Cty CPDP Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	2.415	100.000	241.500.000	Công ty TNHH Dược & Vật Tư Y Tế Thiên Tầm	
86	PP2400519192	G0450	3	Cephalexin 500 mg	Cefalexin	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110424124 (VD-18300-13)	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	2.750	20.000	55.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	
87	PP2400519193	G0451	3	Osvimec 300	Cefdinir	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-22240-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV Pham	Việt Nam	Viên	10.689	30.000	320.670.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tư Đức	
88	PP2400519198	G0456	3	Cebest	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	50mg/1,5g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	30 tháng	VD-28340-17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	6.000	50.000	300.000.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	
89	PP2400519201	G0459	3	Ciprofloxacine	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893115287023	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	786	20.000	15.720.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	
90	PP2400519203	G0461	3	Seunax	Diaceirin	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110386823 (VD-19806-13)	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	1.590	10.000	15.900.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Reliv	
91	PP2400519204	G0462	3	Drotusc Forte	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110024600 (VD-24789-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	1.029	100.000	102.900.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Stabled	
92	PP2400519205	G0463	3	Drotusc	Drotaverin hydroclorid	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-25197-16	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	570	40.000	22.800.000	Công ty Cổ Phần Vinpharm	
93	PP2400519206	G0464	3	Bidinatec 5	Enalapril maleat	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110208023	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	830	5.800	4.814.000	Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
94	PP2400519207	G0465	3	Erileur 10	Enalapril maleat	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-27305-17	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	1.400	8.400	11.760.000	Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị	
95	PP2400519208	G0466	3	Nesipraz 40	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Hộp 05 vỉ x 07 viên	36 tháng	VD-30318-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.470	20.160	69.955.200	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	

Dad

Số	Mã phân (tổ)	Mã thuốc	Nhóm thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn (trong đường EU-GMP hoặc PIC/s-GMP)
96	PP2400519210	G0468	3	Flodocard 5mg MR	Felodipin	5mg	Uống	Viên nén bao phim tròn, kích thước 10 x 10 viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110693224 (VD-26412-17)	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	Viên	1.150	10.000	11.500.000	Công ty Cổ Phần Vinpharm	
97	PP2400519215	G0473	3	Melanov-M	Gliclazide + Metformin hydrochloride	80mg+500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-20575-17	Micro Labs Limited	Ấn Độ	Viên	3.850	100.000	385.000.000	Công ty Cổ Phần Y Dược Sức Khỏe Vàng FPL	
98	PP2400519217	G0475	3	Glimepiride Stella 2 mg	Glimepiride	2mg	Uống	viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-24575-16	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.100	10.000	11.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	
99	PP2400519219	G0477	3	Irbevel 300	Irbesartan	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 14 viên	36 tháng	893110238624	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	5.670	10.000	56.700.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Việt	
100	PP2400519222	G0480	3	Imidu 60 MG	Isosorbid-5-mononitrat	60mg	Uống	viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	893110617324	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	2.489	1.000	2.489.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	
101	PP2400519226	G0484	3	Pyzacar 50 mg	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	36 tháng	VD-26431-17	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	Viên	1.128	19.440	21.928.320	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm An Phát	
102	PP2400519227	G0485	3	Loxifen	Loxoprofen natri	60mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-21502-14	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Viên	1.900	5.000	9.500.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Shinpoong Daewoo	
103	PP2400519229	G0487	3	Glimaron	Metformin Hydrochlorid + Glibenclamid	500mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110057023	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	1.180	100.000	118.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	
104	PP2400519231	G0489	3	Mebikol	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-19204-13	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y tế	Việt Nam	Viên	699	280.000	195.720.000	Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị	
105	PP2400519236	G0494	3	Pharbacol	Paracetamol	650mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 5 viên	36 tháng	893100076524 (VD-24291-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	1.100	20.000	22.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm MKT	
106	PP2400519238	G0496	3	Mypara 500	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-21006-14	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	200	380.000	76.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
107	PP2400519241	G0499	3	AYITE	Rebamipid	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-20520-14	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	3.200	5.040	16.128.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	
108	PP2400519247	G0505	3	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12.5	Valsartan + Hydrochlorothiazid	80mg+12.5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-23010-15	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	7.450	5.000	37.250.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Bạch Việt	
109	PP2400519249	G0507	4	Atileucine inj	Acetyl leucin	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5 ml	36 tháng	893110058324	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	13.350	10.000	133.500.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Atipharm	
110	PP2400519262	G0520	4	ALBENDAZO L 400	Albendazol	400mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 5 vỉ x 4 viên	36 tháng	893110080024	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	Viên	1.548	800	1.238.400	Công ty Cổ Phần Dược Quảng Nam	

Sit	Mã phân (tổ)	Mã thuốc	Nhóm thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
111	PP2400519273	G0531	4	Zoanco - A	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công Ty Cổ Phần Pympharco	Việt Nam	Viên	3.250	20.000	65.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị	
112	PP2400519275	G0533	4	Valclorex	Amlodipin + Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110119723	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	6.300	72.000	453.600.000	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	
113	PP2400519281	G0539	4	Augbidil	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 200mg	Truyền	Thuốc tiêm bột	Hộp 10 lọ	24 tháng	893110092423 (VD-19318-13)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	27.993	2.600	72.781.800	Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
114	PP2400519282	G0540	4	Zorolab 1000	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 14 gói x 2g	24 tháng	VD-25184-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Gói	9.000	20.000	180.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Mê Ta	
115	PP2400519290	G0548	4	Atropin sulphat	Atropin sulfat	0,25mg/ ml	Truyền	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	36 tháng	893114045723 (VD-24376-16)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	630	480	302.400	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
116	PP2400519294	G0552	4	Enterogolds	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 Viên	36 tháng	QLSP-955-16	Công ty Cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	2.715	100.000	271.500.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	
117	PP2400519303	G0561	4	Tridabu	Bismuth	120mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36140-22	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Medisun	Việt Nam	Viên	2.786	9.400	26.188.400	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
118	PP2400519306	G0564	4	Brosuvon 8mg	Bromhexin hydroclorid	8mg/5ml	Uống	Siro	H/20 gói x 5ml	24 tháng	893100714624 (VD-29284-18)	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Gói	4.725	20.000	94.500.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	
119	PP2400519307	G0565	4	Dkasonide	Budesonide	64mcg/liều x 120 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 01 lọ x 120 liều xịt	24 tháng	893110148523	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Việt Nam	Lọ	90.000	1.000	90.000.000	Công ty Cổ Phần Thương Mại Famed	
120	PP2400519308	G0566	4	Benita	Budesonide	64mcg/0,05ml ; Lọ 150 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều	24 tháng	893100314323 (VD-23879-15)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	90.000	1.000	90.000.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	
121	PP2400519310	G0568	4	Calcium Hasan 250mg	Calci carbonat + calci gluconolactat	150mg + 1470mg	Uống	viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 12 viên	36 tháng	VD-28536-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.785	20.000	35.700.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	
122	PP2400519316	G0574	4	Mumcal	Calci lactat	500 mg/10 ml	Uống	Dung dịch uống	H/20 ống x 10ml	36 tháng	893100508524 (VD-20804-14)	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Ống	2.740	10.000	27.400.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	
123	PP2400519319	G0577	4	Candesartan Het 8/12,5	Candesartan cilexetil; Hydrochlorothiazide	8mg; 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110329700	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	2.350	4.980	11.703.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	
124	PP2400519333	G0591	4	Avis-Cefdinir 250mg	Cefdinir	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Hộp 30 gói x 1,5g	36 tháng	VD-32048-19	Công ty cổ phần dược S Pharm	Việt Nam	Gói	4.980	100.000	498.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV Pharm	
125	PP2400519336	G0594	4	Cefimbrano 200	Cefixim	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110082600 (VD-22232-15)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	Viên	1.102,50	20.000	22.050.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidiapha	

Stt	Mã phần (tđ)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
126	PP2400519340	G0598	4	Cefoxitin 1g	Cefoxitin	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ kèm 01 ống nước cất pha tiêm 10ml, Hộp 10 lọ	24 tháng	VD-34759-20	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	Lọ	45.000	4.000	180.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	
127	PP2400519341	G0599	4	Cefazidim 1g	Cefazidim	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	VD-28222-17	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	10.185	20.000	203.700.000	Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
128	PP2400519342	G0600	4	Ceftizoxim 0,5g	Ceftizoxim	500mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	36 tháng	893110303123 (VD-23726-15)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	28.350	2.016	57.153.600	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	
129	PP2400519343	G0601	4	Biviminal 1g	Ceftizoxim	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	24 tháng	893110680024 (VD-19472-13)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	47.000	4.000	188.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đa Năng	
130	PP2400519358	G0616	4	Ciprofloxacin 0,3%	Ciprofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	24 tháng	893115292000 (VD-22941-15)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.020	300	606.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	
131	PP2400519374	G0632	4	Alcool 70°		70 độ/ 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dung ngoài	Chai 60ml	36 tháng	VD-31793-19	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	3.045	6.000	18.270.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	
132	PP2400519375	G0633	4	HORNOL	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophosphat disodium	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-16719-12	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	4.390	16.000	70.240.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	
133	PP2400519379	G0637	4	Desloratadine Danapha	Desloratadin	0,5mg/ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 30ml	24 tháng	893100211323	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Chai	12.000	5.000	60.000.000	Công ty Cổ Phần Dược Danapha	
134	PP2400519388	G0646	4	Diazepam 10mg/2ml	Diazepam	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	36 tháng	893112683724 (VD-25308-16)	Chi nhánh công ty CPDP Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	5.250	200	1.050.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1	
135	PP2400519393	G0651	4	LUFUGEL	Mỗi gói 20ml chứa Dioctahedral smectit	3g/20ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 20ml	36 tháng	VD-31089-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Gói	4.400	5.000	22.000.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	
136	PP2400519394	G0652	4	Cezmeta	Diosmectit	3g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,7g/g	36 tháng	VD-22280-15	Cy CP Dược Medipharco	Việt Nam	Gói	756	1.400	1.058.400	Công ty Cổ Phần Dược Medipharco	
137	PP2400519396	G0654	4	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	36 tháng	VD-23761-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	690	2.000	1.380.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
138	PP2400519398	G0656	4	Atibutrex 250 mg/5ml	Debutamin	250mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch dẫn đặc để pha tiêm truyền	H/5 ống, 10 ống, 20 ống x 5 ml	24 tháng	893110212723	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	55.000	20	1.100.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	

Dore

Sit	Mã sản (tổ)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
139	PP2400519425	G0683	4	Flunarizin 10mg	Flunarizin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110158223	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	377	14.000	5.278.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.Pharm	
140	PP2400519441	G0699	4	Gentinox	Gentamicin	0,3%/ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	36 tháng	VD-27297-17	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Lọ	1.890	1.000	1.890.000	Công ty Cổ Phần Dược Medipharco	
141	PP2400519448	G0706	4	THcomet - GP2	Metformin hydrochloride, Glimepirid	500mg; 2mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110001723	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Y - Pharmaco	Việt Nam	Viên	2.499	56.000	139.944.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Reliv	
142	PP2400519450	G0708	4	Mongor 500	Glucosamin sulfat	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	24 tháng	VD-20050-13	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	1.800	20.000	36.000.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
143	PP2400519466	G0724	4	Vinphasoon	Hydrocortison	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 10 lọ x 10 ống dùng mỗi 2ml	Lo thuốc tiêm đông khô: 36 tháng, ống dùng mỗi: 36 tháng	893110219823	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	6.489	1.600	10.382.400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	
144	PP2400519481	G0739	4	Zinbebe	Kẽm gluconat	700mg/ 50ml	Uống	Siro	Hộp 1 lọ 50ml	36 tháng	893100069000 (VD-22887-15)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Lọ	24.999	5.000	124.995.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Ta	
145	PP2400519488	G0746	4	Lachiosyn	Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893400251223 (QLSP-939-16)	Công ty cổ phần Dược-Trung thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	1.420	80.000	113.600.000	Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
146	PP2400519507	G0765	4	MEYERAPACH L	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-34036-20	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	1.112	8.800	9.785.600	Công ty Cổ Phần Santav	
147	PP2400519508	G0766	4	Varogel S	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	800.4mg + 611,70mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	36 tháng	893100860924 (VD-26519-17)	Công ty TNHH Dược phẩm Shampoong Daewoo	Việt Nam	Gói	2.730	300.000	819.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Shampoong Daewoo	
148	PP2400519509	G0767	4	Amifortgel	Mỗi 10ml chứa: Nhôm hydroxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd gel khô), Magnesi hydroxyd (dưới dạng Magnesi hydroxyd paste 30%)	336,6mg (440mg/10ml ; 390mg/10ml)	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	36 tháng	VD-34952-21	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	2.750	20.000	55.000.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	
149	PP2400519511	G0769	4	ATIRLIC FORTE	Magnesi hydroxyd, Nhôm hydroxyd, Simethicon	800mg; 800mg; 100mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10g	24 tháng	893100203224	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Gói	4.020	20.000	80.400.000	Công ty Cổ Phần Dược Vaco-pharm	

Dreul

SĐT	Mã phân (lô)	Mã thuốc	Nhóm thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
150	PP2400519513	G0771	4	Pamagel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800mg + 800mg + 60mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 10 ml	36 tháng	VD-34563-20	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Gói	3.900	19.920	77.688.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Hai Mười Tháng Mười	
151	PP2400519514	G0772	4	MAGNESI SULFAT KABI 15%	Magnesi sulfat	15%/ 10ml	Tiền hoặc truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	36 tháng	VD-19567-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ống	2.900	1.000	2.900.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	
152	PP2400519518	G0776	4	Bidilucil 500	Meclorphenoxat Hcl	500mg	Tiền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml	36 tháng	893110051223	Công ty cổ phần Dược TTBYT Bình Định (Bidiphur)	Việt Nam	Lọ	57.800	1.000	57.800.000	Công ty TNHH Thương Mại & Dược Phẩm Tâm Toàn Phát	
153	PP2400519526	G0784	4	Glimaron	Metformin hydrochlorid + Glibenclamid	500mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110057023	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharmaco	Việt Nam	Viên	1.180	30.000	35.400.000	Công ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	
154	PP2400519527	G0785	4	Hasanbest 500/2.5	Metformin hydrochlorid + Glibenclamid	500mg + 2,5mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 8 vỉ x 15 viên	36 tháng	893110457724 (VD-32391-19)	Công ty TNHH Hassan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.743	100.000	174.300.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Đức Việt	
155	PP2400519532	G0790	4	Agidopa	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110876924 (VD-30201-18)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	545	2.000	1.090.000	Công ty Cổ Phần Dược Agimexpharm	
156	PP2400519540	G0798	4	Zodalan	Midazolam	5mg/1ml	Tiền	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	36 tháng	893112265523	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	16.800	20	336.000	Công ty Cổ Phần Dược Danapha	
157	PP2400519543	G0801	4	Heraprostol	Misoprostol	200mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110465724	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	3.780	3.000	11.340.000	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	
158	PP2400519551	G0809	4	ANTIMUC 100	N-acetylcystein	200mg/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	24 tháng	VD-24134-16	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	3.250	18.000	58.500.000	Công ty Cổ Phần Gonsa	
159	PP2400519554	G0812	4	Naproxen EC DWP 250mg	Naproxen	250mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 06 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-35848-22	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	2.289	5.000	11.445.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tân An	
160	PP2400519565	G0823	4	Theresol	Natri clorid + kali clorid + natri citrat dihydrat + glucose khan	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói x 5,63g	36 tháng	VD-20942-14	Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Thanh Hóa	Việt Nam	Gói	1.650	100.000	165.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tự Đức	
161	PP2400519567	G0825	4	Vitol	Natri hyaluronat	0,18% (w/v) - Lọ 12ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 12ml	36 tháng	893110454524 (VD-28352-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	39.000	400	15.600.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	
162	PP2400519571	G0829	4	Mepoly	Dexamethason; Neomycin; Polymyxin B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000IU)/1 Oml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Hộp 1 lọ 10ml	36 tháng	893110420024 (VD-21973-14)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	37.000	160	5.920.000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	

Dread

Stt	Mã phần (t)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
175	PP2400519629	G0887	4	DANAPHA PVP-IODINE 10%	Povidon iod	10g/100ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ x 100ml	24 tháng	893100011600	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ	12.500	2.000	25.000.000	Công ty Cổ phần Dược Danapha	
176	PP2400519636	G0894	4	Ramipril 5	Ramipril	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110231623	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.150	2.000	2.300.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	
177	PP2400519641	G0899	4	MICEZYM 100	Saccharomyces boulardii	2,26 x 10 ⁹ CFU	Uống	Thuốc bột	Hộp 30 gói x 1g	24 tháng	893400108924	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	4.284	10.000	42.840.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	
178	PP2400519645	G0903	4	Atisalbu	Salbutamol sulfat	2mg/5ml, 5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	36 tháng	893115277823	Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	3.450	1.000	3.450.000	Công ty TNHH Dược Phẩm AT & C	
179	PP2400519646	G0904	4	Zensalbu nebutes 2.5	Salbutamol sulfat	2,5mg/2,5ml	Hít qua máy khi dùng	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vỉ x 5 ống x 2,5ml	36 tháng	893115019000 (VD-21553-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	4.410	1.400	6.174.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	
180	PP2400519647	G0905	4	Zensalbu nebutes 5.0	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Hít qua máy khi dùng	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vỉ x 5 ống x 2,5ml	36 tháng	893115019100 (VD-21554-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	8.400	2.000	16.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	
181	PP2400519653	G0911	4	Atitrim	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	50mg + 10,78mg + 5mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	24 tháng	893100148824	Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	3.780	5.000	18.900.000	Công ty TNHH Dược Phẩm AT & C	
182	PP2400519654	G0912	4	Bifehema	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	399mg + 10,77mg + 5mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	36 tháng	893100353523 (VD-29300-18)	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Ống	3.297	9.600	31.651.200	Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
183	PP2400519655	G0913	4	Bidiferon	Sắt sulfat + acid folic	50mg + 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-31296-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	420	27.000	11.340.000	Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
184	PP2400519667	G0925	4	SPM-Sucralfat 1000	Sucralfat	1000mg/15g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15g; hộp 30 gói x 15g	36 tháng	VD-29494-18	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Gói	3.000	20.000	60.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Salud	
185	PP2400519668	G0926	4	Sulfadiazin bạc	Sulfadiazin bạc	1%/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20 gam	36 tháng	VD-28280-17	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	21.840	380	8.299.200	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	
186	PP2400519669	G0927	4	Trimexazol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	(200mg+40mg)/5ml, lọ 60ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml hỗn dịch uống	24 tháng	893110594924 (VD-31697-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Chai	19.950	5.000	99.750.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Stabled	
187	PP2400519670	G0928	4	Cotrimoxazol 480mg	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 20 viên	36 tháng	893110159324	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	230	146.000	33.580.000	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Minh Dân	
188	PP2400519680	G0938	4	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110885724 (VD-28968-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	10.000	50.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tư Đức	

Ducel

Stt	Mã phân (lô)	Mã thuốc	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu	Ngày hết hạn EU-GMP, tương đương EU-GMP hoặc PIC/s-GMP
189	PP2400519685	G0943	4	Tiram	Tiropamid hydroclorid	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110396923	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Viên	1.038	260.000	269.880.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Shinpoong Daewoo	
190	PP2400519686	G0944	4	Tobramycin 0,3%	Tobramycin	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 5ml	24 tháng	893110668324 (VD-27954-17)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.800	300	840.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	
191	PP2400519688	G0946	4	Tobidex	Tobramycin + dexamethason natri phosphat	(15mg+5mg)/ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	36 tháng	VD-28242-17	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	6.510	300	1.953.000	Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	
192	PP2400519694	G0952	4	Epilona DR	Natri valproat	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893114258824	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	2.800	4.920	13.776.000	Công ty Cổ Phần Armephaco	
193	PP2400519707	G0965	4	Vitamin 3B extra	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100337924 (VD-31157-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	1.050	800.000	840.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Nam	
194	PP2400519709	G0967	4	Obibebe	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	24 tháng	893110347323 (VD-21297-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	4.079	5.000	20.395.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Ta	
195	PP2400519711	G0969	4	Neurixal	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Uống	viên nén sủi bọt	Hộp 01 tuýp x 10 viên, Hộp 01 tuýp x 20 viên	24 tháng	893100473324 (VD-28552-17)	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.848	60.000	110.880.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	
196	PP2400519712	G0970	4	Obibebe	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	(5mg + 470mg)/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	24 tháng	893110347323 (VD-21297-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	4.079	10.800	44.053.200	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Ta	
197	PP2400519716	G0974	4	Enpovid E400	Vitamin E	400IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-21448-14	Công ty Cổ phần S P M	Việt Nam	Viên	430	5.000	2.150.000	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum	
198	PP2400519727	G0985	5	Glizym-M	Glizalazide + Metformin hydrochloride	80mg + 500mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN3-343-21	M/s Panacea Biotech Pharma Ltd	Ấn Độ	Viên	3.300	25.000	82.500.000	Công ty Cổ Phần Y Dược Sức Khỏe Vàng FPL	
199	PP2400519732	G0990	5	Lidonalin	Lidocain hydroclorid + Adrenalin	(36mg+0,018 mg)/1,8ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1,8ml	36 tháng	893110689024	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	4.410	200	882.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	
TỔNG GIÁ TRỊ																	19.000.808.070		
Tổng số mặt hàng: 199																			

Ghi chú:

Tất cả các danh mục nêu trên đều có tỷ lệ tùy chọn mua thêm là 30%

Đối với các cơ sở y tế: Số lượng tùy chọn mua thêm không vượt quá 30% của số lượng thuốc tương ứng đã được phân bổ